

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG: LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Vũ Trọng Bình*

Phát triển bền vững nông nghiệp đã trở thành vấn đề toàn cầu, không chỉ của Việt Nam. Bài viết này tập trung giới thiệu khái niệm phát triển nông nghiệp bền vững, các tiếp cận chiến lược trong phát triển nông nghiệp bền vững, và trình bày tóm tắt một số chiến lược phát triển nông nghiệp bền vững của một số quốc gia cũng như thực tiễn phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam. Có nhiều cách tiếp cận cho phát triển bền vững, tuy nhiên tất cả chỉ để làm thế nào cho người sản xuất thay đổi hành vi của họ dựa trên các nguyên tắc sản xuất bền vững. Việt Nam đang rất tích cực phát triển nền nông nghiệp bền vững. Nhiều chính sách đã được ban hành. Tuy nhiên, giữa hiện thực và chính sách còn khoảng cách xa. Chúng ta thiếu các chuỗi giá trị dựa trên quản trị sản xuất bền vững, thiếu cơ chế chính sách để nông dân thực hành bền vững. Khi mà thực hành sản xuất không bền vững vẫn còn có lợi ích lớn hơn, thậm chí lớn hơn nhiều so với thực hành sản xuất bền vững, thì việc phát triển nông nghiệp bền vững vẫn còn khó khăn.

Từ khóa: nông nghiệp bền vững, phát triển, môi trường, chính sách, biến đổi khí hậu

1. Giới thiệu

Nông nghiệp là một ngành sản xuất quan trọng, là nguồn nuôi sống dân số thế giới. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp cũng có nhiều ảnh hưởng tiêu cực, chủ yếu là trên bốn khía cạnh sau (DFID, 2004):

Suy giảm chất lượng đất đang đe dọa đến năng suất nông nghiệp. Khoảng 11% diện tích đất, tương đương với 1,2 tỷ ha bị suy giảm do hoạt động của con người trong vòng 45 năm qua. Nguyên nhân suy giảm bắt nguồn từ sự xói mòn của nước và gió, ô nhiễm từ ngành công nghiệp và nông nghiệp (bao gồm phân bón và thuốc trừ sâu), và sử dụng quá mức nước thủy lợi gây ra quá trình muối hóa.

Sử dụng nước và trữ lượng nước. Nông nghiệp là ngành tiêu tốn rất nhiều nước. Một phần năm diện tích đất canh tác được tưới tiêu và sản xuất ra 40% lương thực của thế giới. Tuy nhiên, sử dụng nước chưa hiệu quả gây ra mối quan ngại về suy giảm nguồn nước và tranh chấp quyền sử dụng.

Suy giảm đa dạng sinh học. Đa dạng sinh học trong nông nghiệp có ý nghĩa lớn trong việc giảm những cú

sốc, kiểm soát dịch bệnh và giữ cho đất màu mỡ. Tuy nhiên, rất nhiều hệ thống nông nghiệp trên thế giới hiện nay không duy trì được sự đa dạng này.

Suy giảm đa dạng nguồn gen. Sự suy giảm đa dạng sinh học trong nông nghiệp làm gia tăng côn trùng và trầm trọng thêm dịch bệnh.

Bên cạnh đó, sản xuất nông nghiệp cũng được cho là tác nhân ảnh hưởng đến sự thay đổi khí hậu toàn cầu trong những thập kỷ gần đây. Báo cáo của Ngân hàng thế giới cho thấy nông nghiệp đóng góp vào sản xuất và phát thải khoảng 14% khí nhà kính như carbon dioxide, methane, nitrous oxide, thay đổi lớp đất phủ của trái đất làm ảnh hưởng đến khả năng hấp thụ và phản xạ nhiệt và ánh sáng. Sự thay đổi sử dụng đất như phá rừng và sa mạc hóa (trong đó nông nghiệp đóng góp 30%) cùng với sử dụng năng lượng hóa thạch là nguồn sinh ra khí các bon chính do hoạt động của con người (Worldbank 2010).

Phát triển nông nghiệp ở các nước trên thế giới cũng như Việt Nam, ban đầu đều khuyến khích khai thác tối đa lợi thế tài nguyên nhằm sản xuất nông sản với năng suất cao nhất để đáp ứng nhu cầu tiêu

dùng. Trong thời gian này, sản xuất nông nghiệp hầu như không có quản trị về phát triển bền vững, cả về chính sách trong các hệ thống sản xuất, hộ sản xuất và doanh nghiệp. Hiện thực ở Việt Nam và nhiều nước cho thấy, sự khai thác tài nguyên sẽ dẫn đến sự suy thoái môi trường; quá trình toàn cầu hóa đã có nhiều cơ hội nhưng cũng có nhiều biến động không bền vững với sản xuất nông nghiệp; quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa tạo cơ hội nhưng cũng là yếu tố gây kém bền vững cho sản xuất nông nghiệp. Do vậy, phát triển bền vững nông nghiệp đã trở thành vấn đề toàn cầu, không chỉ của Việt Nam. Trong bài viết này, tác giả tập trung giới thiệu khái niệm phát triển nông nghiệp bền vững và các tiếp cận chiến lược trong phát triển nông nghiệp bền vững. Tác giả cũng trình bày tóm tắt một số chiến lược phát triển nông nghiệp bền vững của một số quốc gia cũng như thực tiễn phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam.

2. Khái niệm phát triển bền vững và phát triển nông nghiệp bền vững

Phát triển bền vững là một khái niệm ngày càng được sử dụng rộng rãi trong rất nhiều lĩnh vực. Có khoảng 27 khái niệm về phát triển bền vững được các tác giả thuộc các lĩnh vực khác nhau đưa ra (tham khảo thêm trong Pezzey 1992). Tuy nhiên, khái niệm được sử dụng rộng rãi nhất cho đến nay do Hội đồng thế giới về Môi trường và phát triển (The World Commission on Environment and Development) đề xuất lần đầu năm 1987 là “sự phát triển đáp ứng được những yêu cầu của hiện tại, nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau”.

Phát triển bền vững bao hàm trong nó ba khía cạnh là bền vững về kinh tế, bền vững về xã hội và bền vững về môi trường. Bền vững về mặt kinh tế dựa trên tối đa hoá thu nhập trong khi vẫn duy trì các tài sản tạo ra thu nhập đó. Hiệu quả kinh tế và tối ưu hoá định hướng phân bổ và sử dụng tài nguyên. Bền vững về mặt xã hội hướng đến con người, liên quan đến duy trì sự ổn định của hệ thống văn hoá và xã hội. Bình đẳng là một trong những mối quan tâm chính của bền vững xã hội. Bền vững về mặt môi trường tập trung vào sự ổn định của hệ thống vật lý và sinh học, trong đó nhấn mạnh đến khả năng phục hồi và khả năng thích ứng của hệ thống với những sự thay đổi hơn là khả năng duy trì tình trạng “lý tưởng”. Sự suy giảm tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học cũng với ô nhiễm môi trường đang làm hạn chế khả năng phục hồi của hệ

thống (FAO, 1997).

Tương tự phát triển bền vững, khái niệm phát triển nông nghiệp bền vững cũng được hiểu và nhìn nhận dưới nhiều góc độ khác nhau, mỗi khái niệm nhấn mạnh vào những giá trị, ưu tiên và thực hành khác nhau. Nông nghiệp bền vững có thể tập trung vào các công nghệ sử dụng, đặc biệt là công nghệ giúp giảm sự phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên không tái tạo và đầu vào có hại cho môi trường, ví dụ nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp vĩnh cửu (permaculture), nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sử dụng ít đầu vào (low-input), nông nghiệp nhạy cảm với môi trường... Nông nghiệp bền vững có thể được nhìn dưới góc độ liên quan đến khả năng phục hồi (khả năng của hệ thống chống đỡ những cú sốc) và khả năng duy trì hoạt động. Nói cách khác, đó là những khả năng thích ứng với những thay đổi bên trong và bên ngoài. Như vậy, nông nghiệp bền vững không chỉ quan tâm đến môi trường mà bao gồm mối quan tâm về kinh tế và xã hội, và đạt được sự cân bằng giữa 3 khía cạnh này là một thách thức không dễ dàng vượt qua (DFID, 2004).

Năm 1992, Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) đưa ra khái niệm phát triển bền vững và nông nghiệp bền vững tại Hội nghị thượng đỉnh Trái đất Rio de Janeiro như sau: “*Phát triển bền vững là quản lý và bảo tồn nguồn lực tự nhiên và định hướng thay đổi trong công nghệ và thể chế theo cách đảm bảo sự đạt được và đáp ứng nhu cầu liên tục của thế hệ hiện tại và tương lai. Phát triển bền vững (trong nông nghiệp) bảo tồn đất, nước, nguồn giống cây trồng và vật nuôi, không làm suy giảm chất lượng môi trường, phù hợp về mặt kỹ thuật, khả thi về mặt kinh tế và chấp nhận về mặt xã hội*”.

Năm 1995, FAO cụ thể hoá phát triển bền vững nông nghiệp và nông thôn là một quá trình đáp ứng các tiêu chí sau (FAO, 1997):

Đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cơ bản, về cả số lượng và chất lượng, của thế hệ hiện tại và tương lai trong khi vẫn cung cấp đa dạng sản phẩm nông nghiệp.

Cung cấp việc làm lâu dài, thu nhập đầy đủ và điều kiện sinh sống và làm việc khá cho những người tham gia sản xuất nông nghiệp.

Duy trì và nâng cao năng lực sản xuất của nguồn lực tự nhiên và năng lực tái sản xuất của nguồn lực tái tạo mà không phá vỡ chức năng của các chu trình sinh thái cơ bản và cân bằng tự nhiên, không phá huỷ thuộc tính văn hoá- xã hội của cộng đồng nông thôn hay gây ra ô nhiễm môi trường.



Giảm tính dễ tổn thương của khu vực nông nghiệp về yếu tố kinh tế-xã hội và tự nhiên bất lợi và các rủi ro khác, cũng như tăng cường tính tự lực của nông nghiệp.

Các nguyên tắc phổ biến mà nông nghiệp bền vững cần đạt được là: i) Vận dụng chu trình sinh thái và sinh học vào trong quá trình sản xuất lương thực; ii) Hạn chế sử dụng đầu vào không có khả năng tái tạo mà có hại cho môi trường hoặc sức khỏe của người sản xuất và người tiêu dùng; iii) Sử dụng hiệu quả kiến thức và kỹ năng của người sản xuất, từ đó cải thiện tính tự lực và dùng vốn con người thay cho các yếu tố sản xuất tốn kém từ bên ngoài; iv) Sử dụng hiệu quả năng lực tập thể của người dân để cùng giải quyết vấn đề chung về nông nghiệp và nguồn lực tự nhiên như dịch bệnh, tưới tiêu, quản lý rừng và tín dụng (Pretty, 2008).

3. Các tiếp cận chiến lược trong phát triển nông nghiệp bền vững

Nông nghiệp hữu cơ (Organic agriculture): Nông nghiệp hữu cơ sử dụng các kỹ thuật nhằm hạn chế tác động có hại lên môi trường tự nhiên và con người. Các phương pháp thường được sử dụng trong nông nghiệp hữu cơ là luân canh cây trồng, dùng phân động vật và cây trồng làm phân bón, làm đất vào thời gian thích hợp, phủ bề mặt đất, lập kế hoạch và lựa chọn cây trồng cẩn thận, dùng cây trồng có khả năng chống chịu tốt, sử dụng thiên địch, áp dụng thực hành canh tác tốt, tăng cường đa dạng sinh học, sử dụng thuốc trừ sâu tự nhiên, sử dụng nguồn nước tốt. Hiện nay có rất nhiều quốc gia đã ban hành quy định sản phẩm hữu cơ, thủ tục kiểm tra và chứng nhận sản phẩm hữu cơ.

Nông nghiệp bảo tồn (Conservation agriculture) là một tiếp cận hướng đến sự bền vững trong nông nghiệp dựa trên 3 nguyên tắc chính: i) Hạn chế tác động/không tác động vào đất: nhằm duy trì lớp đất che phủ hữu cơ lâu dài, bảo vệ đất khỏi ánh nắng mặt trời, mưa và gió, cho phép quần thể động vật và tổ chức sống vi mô trong đất thực hiện chức năng "canh tác" và giữ cân bằng dinh dưỡng của đất. Cách này cũng giúp nông dân tiết kiệm thời gian và chi phí năng lượng, từ đó có nhiều thời gian dành cho các hoạt động khác; ii) Duy trì lớp đất che phủ lâu dài: cây trồng sau thu hoạch sẽ được giữ lại thay vì đốt để làm lớp che phủ, từ đó làm giảm ô nhiễm môi trường, giảm sự thoát nước, giữ độ ẩm, điều hòa nhiệt độ đất và giữ môi trường tốt cho quần thể sinh vật dưới đất; iii) Luân canh cây trồng: khác với

nông nghiệp thông thường, tiếp cận nông nghiệp bảo tồn ít tác động vào đất, giảm sử dụng lao động và năng lượng, góp phần giảm chi phí sản xuất.

Lựa chọn nơi canh tác phù hợp (Site-appropriate agriculture): nhằm giảm thiểu sử dụng đầu vào đất đỏ và hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường thông qua tận dụng yếu tố sinh thái sẵn có, thay vì sử dụng phân bón và dựa vào thủy lợi quá mức như hiện nay.

Hạn chế sử dụng yếu tố đầu vào bên ngoài (Low-external-input agriculture) nhưng không loại bỏ hoàn toàn việc sử dụng các yếu tố như phân bón và thuốc trừ sâu.

Quản lý dịch hại tổng hợp (Integrated pest management): giảm thiểu sử dụng thuốc trừ sâu tổng hợp bằng cách kết hợp nhiều phương thức kiểm soát côn trùng và dịch bệnh từ việc luân canh cây trồng đến việc xác định điểm gây hại trước khi dùng các sản phẩm bảo vệ cây trồng.

Quản lý dinh dưỡng tổng hợp (Integrated nutrient management): nhằm giảm thiểu tối đa sử dụng phân bón trong sản xuất nông nghiệp. Một tiếp cận tương tự là "nông nghiệp chính xác" cung cấp lượng đầu vào vừa đủ cho cây trồng, làm tăng hiệu quả sử dụng đầu vào, tốt cho môi trường và tiết kiệm chi phí cho nông dân.

Sản xuất khí sinh học trong các trang trại (On-farm biogas production) từ phân và chất thải trong nông nghiệp dùng làm nguồn năng lượng tái tạo và phụ thêm thu nhập cho nông dân, đồng thời cung cấp nguồn phân bón tự nhiên có giá trị và thay thế phân bón vô cơ, giảm khí phát thải nhà kính.

Mở rộng diện tích đồng cỏ (Extensive grazing practice) có thể tăng mức độ đa dạng sinh học thông qua cung cấp môi trường sống cho các loài động thực vật như hoa dại, các loài chim và bướm. Môi trường sống này là thành phần cần thiết của cảnh quan nông nghiệp. Chất lượng nước và đất cũng được cải thiện thông qua giảm số lượng gia súc ăn cỏ trên một đơn vị diện tích cũng như giảm sử dụng đầu vào có nguồn gốc từ các chất hóa học. Các đồng cỏ được phủ xanh thường xuyên có vai trò quan trọng liên quan đến dự trữ khí các bon.

Hệ thống nông lâm kết hợp (Agro-forestry systems) có thể mang lại những lợi ích về nông học và sinh thái như kiểm soát xói mòn, sản xuất ổn định hơn, hấp thụ khí các bon, tạo ra môi trường sống cho các loài chim, côn trùng và động vật hoang dã. Ở góc độ của nông dân, hệ thống nông lâm kết hợp đóng

góp vào quá trình đa dạng hóa kinh tế và tăng cường khả năng phục hồi sau tác động của thời tiết.

Nông nghiệp ứng phó biến đổi khí hậu (Climate smart agriculture) là một tiếp cận trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp bền vững được quan tâm trong thời gian gần đây. Tiếp cận này dựa trên ba trụ cột chính là i) tăng năng suất và thu nhập, ii) tăng cường khả năng phục hồi của sinh kế và hệ sinh thái và iii) giảm thiểu và loại bỏ phát thải khí nhà kính vào bầu khí quyển (FAO, 2013). Các khía cạnh cơ bản của tiếp cận này bao gồm:

Kết hợp đồng bộ kế hoạch sử dụng đất, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và nước ở cấp độ địa phương và cấp độ vùng.

Thúc đẩy các hoạt động mà giúp hấp thụ các bon, kết hợp chăn nuôi và trồng cây với sản xuất lương thực theo hướng cải thiện độ màu mỡ của đất.

Giảm phát thải khí từ hoạt động nông nghiệp như khí nitrous oxygen có nguồn gốc từ sử dụng phân bón, chăn nuôi và khí methan từ hoạt động trồng lúa.

Dùng chi phí tài chính khí các bon (carbon finance) làm “đòn bẩy” cho thực hành nông nghiệp bền vững mà mang lại những lợi ích trực tiếp cho người sản xuất nhỏ và môi trường.

Đa dạng hóa các nguồn thu nhập và đặc điểm gen của cây trồng để giúp nông dân tránh được thời tiết bất định.

Phát triển các hình thức bảo hiểm rủi ro và chiến lược quản lý rủi ro cũng như chiến lược xây dựng khả năng phục hồi bao gồm mạng lưới an sinh xã hội mà người nghèo có khả năng tiếp cận.

Hệ thống quản lý có khả năng cung cấp thông tin thời tiết kịp thời đến nông dân và giám sát kết quả đầu ra của các hoạt động, dựa trên kiến thức truyền thống của nông dân và ứng dụng các kỹ thuật linh hoạt để thay đổi điều kiện thời tiết nhưng không ảnh hưởng xấu đến hệ sinh thái.

Tiếp cận phát triển nông nghiệp bền vững theo chuỗi giá trị

Đối với các vùng sản xuất hàng hóa, phát triển nông nghiệp bền vững chính là phát triển một chuỗi giá trị nông sản bền vững từ trong sản xuất đến thương mại, có sự khuyến khích các quy trình sản xuất bền vững. Sự áp dụng thành công, hiệu quả của các quy trình sản xuất bền vững trong nông nghiệp như nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, Vietgap, Globalgap... ở Việt Nam và nhiều nước trên thế giới, đòi hỏi phải tổ chức được những chuỗi

giá trị được quản trị theo nguyên tắc quản lý chất lượng, vệ sinh ATTP, thương hiệu trên nền tảng của qui trình sản xuất bền vững trong sản xuất. Những chuỗi giá trị quản trị dựa trên các hệ thống chứng nhận sản xuất bền vững như: sản phẩm chứng nhận hữu cơ, UTZ, Rainforest, chỉ dẫn địa lý, Globalgap, Eurogap... là tiếp cận thành công của phát triển bền vững thông qua thị trường. Các chuỗi phát triển bền vững, với hệ thống chứng nhận, thương hiệu quảng bá, sẽ giúp cho người tiêu dùng tiếp cận được sản phẩm của hệ thống sản xuất bền vững, giá trị sản phẩm được nâng lên cả về vệ sinh ATTP, xã hội, văn hóa, sinh thái. Người nông dân, các tác nhân thương mại sẽ có lợi ích để duy trì và phát triển hệ thống sản xuất nông nghiệp bền vững. Tiếp cận này dựa trên nguyên tắc, công nghệ và tổ chức sản xuất đầy và thị trường kéo của hai đầu chuỗi giá trị.

4. Tóm tắt một số chiến lược phát triển nông nghiệp bền vững của một số quốc gia

Solomon Islands: chính phủ chuyển hướng chiến lược sang hỗ trợ sản xuất nông nghiệp địa phương nhằm giảm sự phụ thuộc vào nguồn trợ cấp bên ngoài để nhập khẩu lương thực và cải thiện chế độ dinh dưỡng cho người dân. Theo đó, các chương trình nghiên cứu cũng được chuyển hướng nhằm cân bằng hơn giữa cây trồng hàng hóa và cây lương thực chủ yếu và chăn nuôi. Các chương trình khuyến nông cũng chuyển sang hỗ trợ cho những hộ sản xuất cây trồng vật nuôi truyền thống.

Vanuatu: do làn sóng di cư từ nông thôn ra thành thị để tìm kiếm việc làm đã làm vấn đề thất nghiệp, tội phạm và y tế thêm trầm trọng ở các khu vực đông dân cư. Để giải quyết tình trạng này, chính phủ Vanuatu đã thúc đẩy mô hình “nông dân sản xuất nhỏ làm trung tâm”, trong đó tập trung vào thúc đẩy phát triển kinh tế vườn truyền thống. Bên cạnh đó, để cải thiện dinh dưỡng, chính phủ đã xây dựng kế hoạch hành động nhằm tăng sản xuất lương thực ở hộ gia đình khu vực nội thị và ven đô thị để tăng khả năng tiếp cận với lương thực, xem xét các chính sách thuế đối với lương thực, ổn định giá lương thực sản xuất trong nước và nhập khẩu và trợ cấp lương thực trong thời gian xảy ra thảm họa cấp quốc gia.

Bangladesh: những vấn đề liên quan đến đất đai như khai thác chất dinh dưỡng quá mức, sử dụng phân bón mất cân bằng và ít sử dụng phân bón hữu cơ đã làm cho năng suất cây trồng giảm mạnh và ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển bền vững ở Bangladesh. Bên cạnh đó, nước này cũng gặp phải

vấn đề như phá rừng, cạnh tranh sử dụng nguồn nước, khai thác quá mức ở vùng duyên hải và tài nguyên biển và thiên tai. Để cải thiện năng suất đất, kiểm soát suy giảm chất lượng môi trường và các vấn đề kể trên, chính phủ Bangladesh đã triển khai quản lý đất đai thông qua áp dụng hệ thống dinh dưỡng cây trồng tổng hợp bao gồm sử dụng phân bón hữu cơ và vô cơ, phân xanh và phân sinh học; phân bổ nguồn lực hiệu quả, phát triển nguồn năng lượng thay thế, loại bỏ xu hướng coi nhẹ nông nghiệp trong chính sách kinh tế vĩ mô, đa dạng hóa nông nghiệp, thúc đẩy nông nghiệp ít sử dụng đầu vào và các thể chế địa phương. Về mặt chính sách, chính phủ quan tâm đến các vấn đề về giới, giá đầu vào và đầu ra, tín dụng, nghiên cứu và khuyến nông, công nghệ bảo quản và chế biến sau thu hoạch, và bảo hiểm nông nghiệp.

Bhutan: tương tự Bangladesh, Bhutan cũng đang đối mặt với rất nhiều vấn đề có tác động đến phát triển nông nghiệp bền vững như suy giảm chất lượng và năng suất của đất do xói mòn, do sự luân canh cây trồng và sức ép dân số cũng như rút ngắn thời gian bỏ hoang đất; ruộng đất manh mún, ô nhiễm các chất hóa học, tăng nhu cầu sử dụng nước và di cư nông thôn- thành thị. Trước những vấn đề này, chính phủ Bhutan đã ra chính sách duy trì độ che phủ của rừng ở mức 60%, phát triển bền vững đất canh tác, chăn nuôi và lâm nghiệp thông qua tiếp cận sử dụng tài nguyên tái tạo, thúc đẩy sự tham gia của người dân vào kế hoạch phát triển lâm nghiệp, đồng cỏ và thủy lợi. Kế hoạch sử dụng đất cũng được ban hành để định hướng phân bổ sử dụng tài nguyên đất giữa các ngành có cạnh tranh.

Campuchia: khai thác gỗ là ngành kinh tế quan trọng của Campuchia. Tuy nhiên, việc khai thác quá mức đã dẫn đến gia tăng xói mòn đất. Bên cạnh đó, năng suất đất đai thấp, diện tích canh tác nhỏ và gia tăng nhu cầu lương thực đã thúc đẩy sự chuyển đổi từ nông nghiệp hữu cơ sang nông nghiệp dựa trên sử dụng chất hóa học, đe dọa đến sự bền vững của nông nghiệp. Campuchia giải quyết các vấn đề trên bằng cách xây dựng chiến lược hướng đến áp dụng nông nghiệp tổng hợp, kết hợp các cây trồng, vật nuôi tạo ra sự tương tác giữa các hệ thống sản xuất nhằm tăng năng suất và lựa chọn cây trồng phù hợp với hệ sinh thái và mùa vụ. Chính phủ cũng tăng cường kiểm soát nhập khẩu và sử dụng thuốc trừ sâu độc hại. Các tác động hướng đến bình đẳng xã hội và tiếp cận với tài nguyên đất, nước và rừng cũng được chú ý thực hiện.

Các nước Đông Phi cũng đang đối mặt với tình trạng năng suất nông nghiệp thấp, suy giảm chất lượng đất và nghèo đói. Pender, Place và Ehui (1999) cho rằng chiến lược phát triển nông nghiệp bền vững của các nước Đông Phi phụ thuộc vào lựa chọn “con đường phát triển”, ví dụ như lựa chọn sản xuất kết hợp trồng trọt-chăn nuôi theo hướng bán tự cung-tự cấp hay thương mại hóa cây trồng có giá trị cao, và bị chi phối bởi 3 yếu tố là tiềm năng nông nghiệp, tiếp cận thị trường và mật độ dân số. Các tác giả đề xuất chính sách nên ưu tiên cho phát triển đường giao thông và thủy lợi ở các vùng gần thị trường thành phố có tiềm năng lớn về nông nghiệp đi kèm với phát triển thị trường đầu vào, đầu ra và hệ thống tín dụng. Chính sách trợ cấp phí vận chuyển phân bón đến vùng xa, có nhiều tiềm năng và thiếu lương thực nên được coi là phương án thay thế viện trợ lương thực với chi phí thấp hơn. Việc thâm dụng và tư nhân hóa các vùng đất sườn đồi và đồng cỏ cho mục đích sử dụng bền vững hơn như trồng cây có thể giúp đạt được mục tiêu phát triển nhanh và bền vững ở những vùng đất thấp.

Liên minh châu Âu. Trợ cấp sản xuất nông nghiệp lớn ở các nước châu Âu đã thúc đẩy thâm canh và gia tăng sử dụng phân bón và thuốc sâu, làm tăng ô nhiễm đất, nước, phá hủy hệ thống sinh thái quan trọng và làm thay đổi cảnh quan. Thâm canh nông nghiệp cũng dẫn đến sử dụng quá mức nguồn tài nguyên nước và làm tăng xói mòn đất. Bên cạnh đó, việc để trống đất cho mục đích nông nghiệp cũng làm gia tăng sức ép lên cảnh quan và đa dạng sinh học. Trong tình hình đó, Liên minh châu Âu đã ban hành một loạt các điều luật nhằm mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững, trong đó nội dung chủ yếu là lồng ghép quan tâm môi trường vào chính sách nông nghiệp và các chương trình phát triển nông thôn. Chính sách nông nghiệp chung (CAP) năm 1999 thúc đẩy áp dụng các “phương pháp sản xuất nông nghiệp vì môi trường” thông qua chi trả cho những nông dân tự nguyện cam kết thực hiện tốt hơn các quy định về môi trường. Các tiêu chuẩn tối thiểu về môi trường cũng được gắn chặt với các chương trình hỗ trợ phát triển nông nghiệp trong Liên minh châu Âu. Các quốc gia thành viên có thể đưa thêm các tiêu chuẩn môi trường riêng cho quốc gia mình. Trợ cấp cũng được tách riêng khỏi sản xuất (trợ cấp tái chính không phụ thuộc vào sản lượng) để hạn chế việc gây hại cho môi trường gây ra bởi tăng sản lượng và ô nhiễm của sản xuất nông nghiệp (Europa, 2013).

Bên cạnh đó, rất nhiều quốc gia đã thay đổi chiến lược và chính sách để hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững hơn. Ba bang miền Nam của Brazil ủng hộ nông nghiệp “bỏ qua khâu chuẩn bị đất” (zero-tillage) và nông nghiệp bảo tồn. Kế hoạch 5 năm 2006-2011 của chính phủ Trung Quốc nhấn mạnh việc giám sát động môi trường của nông nghiệp và kêu gọi sản xuất sản phẩm hữu cơ, bảo tồn nguồn nước và áp dụng thực hành bền vững hơn. Tại Philippines, chính phủ đã bỏ chương trình trợ cấp phân bón và đưa vào chính sách sử dụng phân bón cân bằng trong đó kết hợp sử dụng phân bón vô cơ và hữu cơ phù hợp với từng địa phương. Bang Rajasthan của Ấn Độ ủng hộ việc quản lý đất, nước và có cơ chế khuyến khích sử dụng phân bón sinh học trong khi Indonesia cấm sử dụng một số loại thuốc trừ sâu và tập huấn phương pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) dựa trên phương pháp lớp học hiện trường (IFAD, 2012).

5. Thực tiễn và chính sách phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam

5.1 Các yếu tố chính ảnh hưởng tới phát triển nông nghiệp bền vững

Hội nhập quốc tế

Nền nông nghiệp Việt Nam dần dần trở thành một ngành sản xuất mở, hội nhập sâu rộng với thế giới. Các chuỗi ngành hàng nông nghiệp, kết nối và là một bộ phận của chuỗi giá trị toàn cầu. Thị trường trong và ngoài nước cả vật tư đầu vào, sản phẩm đầu ra, dịch vụ nông nghiệp, đầu tư... dần dần kết nối chặt chẽ. Do đó sự ổn định và bền vững nền nông nghiệp Việt Nam phụ thuộc chặt chẽ vào cách thức hội nhập quốc tế, cách thức chống rủi ro từ các cú sốc thị trường bất ngờ. Việc quản trị nông nghiệp thế nào khi các nhà đầu tư tài chính, sản xuất, thương mại quốc tế trực tiếp tham gia vào các chuỗi ngành hàng nông nghiệp, trực tiếp làm việc với nông dân. Quá trình xây dựng chuỗi ngành hàng liên kết với các chuỗi toàn cầu ra sao, để các chuỗi đó quản trị theo hướng bền vững là những vấn đề cần giải quyết trong phát triển bền vững nông nghiệp.

Phát triển công nghiệp, đô thị

Quá trình phát triển công nghiệp, đô thị thiếu sự qui hoạch đồng bộ, đôi khi tùy hứng theo ý kiến chủ quan của lãnh đạo, doanh nghiệp đã làm cho sự đan xen các nhà máy, khu đô thị với các vùng sản xuất nông nghiệp Việt Nam này đã làm giảm hiệu quả hệ thống hạ tầng sản xuất nông nghiệp, ô nhiễm môi trường tới sản xuất như nồng độ kim loại nặng trong

đất sẽ cản trở sản xuất sản phẩm đạt yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm. Nhiều vùng sản xuất nông nghiệp phát triển tốt, đã bị lấy đất đã làm cho nông dân, doanh nghiệp không dám đầu tư lâu dài, sản xuất nông nghiệp ngày càng kém bền vững.

Qui hoạch không gian giữa công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp

Qui hoạch không ổn định, thiếu gắn kết giữa qui hoạch sản xuất với qui hoạch công nghiệp chế biến, qui hoạch KHCN, dịch vụ, liên kết vùng, quyền thay đổi qui hoạch của lãnh đạo địa phương... làm cho vùng sản xuất, hệ thống sản xuất nông nghiệp không ổn định. Chính sách đất đai, cũng làm cho việc đầu tư dài hạn cho nông nghiệp bị hạn chế, nhất là đầu tư phát triển bền vững, là dành cho tương lai.

Quá trình hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn

Quá trình hiện đại hóa, đã làm thay đổi căn bản kinh tế nông thôn, lao động nông thôn giảm dần, sản xuất nông nghiệp phải cạnh tranh lao động, nguồn lực với các ngành khác. Nhiều hộ nông dân không theo kịp quá trình hiện đại hóa, bị mất đất... nên sinh kế bị đe dọa. Phát triển nông nghiệp bền vững đòi hỏi giải quyết vấn đề nông nghiệp để giải quyết đời sống hàng triệu nông dân, vì vậy phát triển bền vững nông nghiệp khó có thể tách rời phát triển bền vững nông thôn. Quá trình chuyên môn hóa sản xuất, đã hình thành các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp chuyên canh cạnh tranh lẫn nhau, do vậy nếu không quản lý tốt, sẽ tạo ra sự kém bền vững các hệ thống sản xuất nông nghiệp.

Vai trò nông dân

Sự hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tổ chức, có trình độ quản trị tốt sản xuất bền vững có tính quyết định sự hình thành và phát triển nền nông nghiệp bền vững, vì suy cho cùng họ và doanh nghiệp chính là chủ thể của nền nông nghiệp. Do vậy sự hình thành các tổ chức sản xuất quản trị tốt của nông dân, các tổ chức kinh tế hợp tác nghề nghiệp của họ là nền tảng để họ vận hành một nền nông nghiệp bền vững.

Chính sách phát triển nông nghiệp

Trong thời gian dài, chính sách phát triển nông nghiệp dựa trên ưu tiên tăng năng suất và sản lượng, các tiêu chí của phát triển bền vững chưa được đưa vào hợp lý vùng sản xuất từ cấp vùng, chuỗi, hộ nông dân, doanh nghiệp. Để phát triển nông nghiệp bền vững, cần thiết chuyển đổi từ nền nông nghiệp mục tiêu tăng sản lượng dựa trên tiềm năng tài nguyên từ hơn 20 năm qua, sang một nền nông nghiệp giá trị gia

tăng cao, dựa trên quản trị theo các tiêu chí phát triển bền vững. Tất cả các nước có nền nông nghiệp phát triển bền vững, đều đi theo hướng này. Quản trị phát triển bền vững cần có chính sách đồng bộ từ quản lý không gian sản xuất, quản trị trong sản xuất, quản trị theo chuỗi gắn với hệ thống nhãn hiệu hàng hóa. Ngành nông nghiệp bắt đầu đi theo hướng này, thể hiện trong nội dung Đề án tái cơ cấu ngành được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Chiến lược tăng trưởng xanh, Chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu.

5.2. Chính sách phát triển nông nghiệp bền vững hiện nay

Theo báo cáo quốc gia tại Hội nghị cấp cao của Liên hợp quốc về phát triển bền vững (Rio +20), phát triển bền vững ở Việt Nam đang gặp phải những thách thức chính sau đây: i) tác động của khủng hoảng tài chính, biến động giá lương thực và năng lượng; ii) biến đổi khí hậu. Việt Nam được coi là một trong số rất ít quốc gia trên thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu (BĐKH); iii) tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt, trong đó nghiêm trọng nhất là tài nguyên nước và đa dạng sinh học; iv) ô nhiễm môi trường do hậu quả của chiến tranh và hoạt động phát triển kinh tế-xã hội; v) sản xuất và tiêu dùng lãng phí và không hiệu quả, trong đó có lý do là sử dụng công nghệ lạc hậu, giảm hiệu quả sản xuất trong khi lối sống hưởng thụ còn phổ biến. Những thách thức này đòi hỏi Việt Nam cần phải có chiến lược ứng phó thích hợp nhằm đưa sự phát triển theo hướng bền vững.

Ngành nông nghiệp, bên cạnh những thách thức chung của phát triển, cũng gặp phải những thách thức đặc thù, đó là i) ruộng đất manh mún khó hình thành sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn; ii) việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ tiên tiến còn chậm chạp dẫn đến năng suất lao động nông nghiệp thấp; iii) chế biến nông sản chưa thể kéo theo sự phát triển của nông, lâm, ngư nghiệp; iv) thị trường nông sản không ổn định, giá cả thay đổi theo chiều hướng bất lợi đối với nông dân; v) suy giảm đa dạng gen cây trồng, vật nuôi và sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu, trừ cỏ, chất kích thích sinh trưởng quá mức dẫn đến thoái hóa đất, ô nhiễm nguồn nước và gây hại sức khỏe con người; vi) sản xuất nhỏ, tiêu thụ công nghiệp và làng nghề đang làm ô nhiễm môi trường sống; vii) khai thác quá mức và sử dụng lãng phí nguồn tài nguyên không tái tạo.

Quan điểm về phát triển bền vững của Việt Nam

đã được cụ thể hóa trong các Chiến lược phát triển kinh tế xã hội từ 1991 đến nay, trong các văn kiện của Đảng, trong đó nhấn mạnh phát triển kinh tế phải đi liền với bảo đảm công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, và được thể hiện qua sự tham gia của Việt Nam vào rất nhiều Công ước quốc tế có liên quan đến phát triển bền vững như Nghị định thư Montreal, Công ước Vienna, Công ước LHQ về luật biển, Công ước khung của LHQ về BĐKH, Công ước đa dạng sinh học... Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam cũng đã ban hành rất nhiều chính sách, chiến lược, chương trình hành động, dự án trong các lĩnh vực về kinh tế, xã hội và môi trường nhằm cụ thể hóa đường lối phát triển bền vững. Mục tiêu chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam là *"đạt được sự đầy đủ về vật chất, sự giàu có về tinh thần và văn hóa, sự bình đẳng của các công dân và sự đồng thuận của xã hội, sự hài hòa giữa con người và tự nhiên; phát triển phải kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa được ba mặt là phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường"*.

Nông nghiệp là một ngành kinh tế quan trọng nhất của Việt Nam với 22% đóng góp vào GDP và là nơi làm việc của 48,4% lực lượng lao động (theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2011). Do đó, phát triển nông nghiệp bền vững là yêu cầu cấp thiết. Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách cho phát triển bền vững nói chung của cả nền kinh tế hoặc cho ngành nông nghiệp nói riêng.

"Chương trình hành sự 21 của Việt Nam" (ban hành kèm theo Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ) đã tập trung ưu tiên 3 nhóm hoạt động nhằm phát triển nông nghiệp bền vững là luật pháp, kinh tế, kỹ thuật và công nghệ. Về luật pháp, tập trung vào hoàn thiện hệ thống luật pháp đồng bộ trên nhiều lĩnh vực, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý ngành... Về kinh tế, hàng loạt định hướng được đưa ra như đẩy mạnh quá trình dồn điền đổi thửa, nâng cao năng suất đất đai, áp dụng hệ thống nông lâm kết hợp phù hợp cho từng vùng, phát triển nông nghiệp sạch, thúc đẩy công nghiệp chế biến sản phẩm nông nghiệp, đa dạng hóa sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ công, phát triển ngành nghề phi nông nghiệp... Về kỹ thuật và công nghệ bao gồm đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học; phát triển giống phù hợp; sử dụng phân bón hữu cơ và sinh học; bảo tồn nguồn gen cây trồng, vật nuôi; đẩy mạnh áp dụng nông nghiệp hữu cơ... Bên cạnh đó, các chiến lược liên

quan đến phát triển bền vững nông nghiệp được xác định trong Chương trình nghị sự 21 bao gồm chống tình trạng thoái hóa đất và sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất; bảo vệ môi trường nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước; bảo vệ môi trường biển, ven biển, hải đảo và phát triển tài nguyên biển; bảo vệ và phát triển rừng; bảo tồn đa dạng sinh học; giảm nhẹ và hạn chế ảnh hưởng của BĐKH. Các chiến lược này tiếp tục được thực hiện trong Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 (theo Quyết định 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Thủ tướng chính phủ).

Một thách thức gắn liền với phát triển nông nghiệp bền vững được chính phủ Việt Nam quan tâm trong thời gian gần đây là vấn đề BĐKH. heo đánh giá thì Việt Nam là một trong số ít nước chịu ảnh hưởng nặng nề của BĐKH và nông nghiệp là ngành được dự đoán sẽ bị ảnh hưởng rất lớn. Do vậy, Chính phủ đã ban hành hàng loạt các chính sách, chương trình, dự án nhằm ứng phó với BĐKH trên quy mô quốc gia cũng như quy mô ngành, cùng với việc xây dựng các thể chế quản lý và thực hiện.

Nội dung các chính sách về biến đổi khí hậu chủ yếu tập trung vào các khía cạnh đánh giá tác động của BĐKH; thúc đẩy các chương trình nghiên cứu nhằm tìm ra kỹ thuật, công nghệ phù hợp với BĐKH; tăng cường năng lực tổ chức, thể chế, chính sách về biến đổi khí hậu; nâng cao nhận thức và đào tạo nguồn nhân lực; tích hợp vấn đề biến đổi khí hậu trong xây dựng và thực hiện các đề án, dự án phát triển kinh tế- xã hội.

Bên cạnh chính sách, chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng trưởng “xanh” cũng là một chiến lược phát triển bền vững được thúc đẩy trong thời gian gần đây, cụ thể hóa bằng Quyết định số 1393/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25/9/2012 về Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh. Chiến lược tăng trưởng xanh ở Việt Nam được hiểu “là chiến lược thúc đẩy quá trình tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, thông qua tăng cường đầu tư vào đổi mới công nghệ, vốn tự nhiên, công cụ kinh tế. Từ đó góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nghèo và đảm bảo phát triển kinh tế bền vững”. Mục tiêu của tăng trưởng xanh là tiến tới nền kinh tế các-bon thấp, làm giàu vốn tự nhiên trở thành xu hướng chủ đạo trong phát triển kinh tế bền vững; giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính dần trở thành chi tiêu bắt buộc và quan

trọng trong phát triển kinh tế- xã hội. Các phương pháp giảm phát thải khí nhà kính trong nông, lâm nghiệp được cụ thể hóa trong Quyết định 1775/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 về phê duyệt đề án quản lý phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon ra thị trường thế giới, bao gồm các tác động khác nhau vào kỹ thuật, công nghệ trong trồng trọt, chăn nuôi cũng như quản lý, phát triển và bảo vệ rừng.

6. Kết luận

Phát triển bền vững nói chung và phát triển nông nghiệp bền vững là xu hướng tất yếu của các nước trên thế giới do phát triển bền vững mang lại nhiều lợi ích trong hiện tại và lâu dài. Cho dù khái niệm phát triển nông nghiệp bền vững được nhìn dưới nhiều góc độ khác nhau, chúng đều hội tụ lại ở ba khía cạnh về kinh tế, xã hội và môi trường, trong đó sự phát triển về kinh tế cần đảm bảo sự hài hòa với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Rất nhiều tiếp cận phát triển nông nghiệp bền vững đã được đề xuất và ứng dụng khắp nơi trên thế giới, song không có tiếp cận nào phù hợp cho tất cả mà đòi hỏi sự thích ứng với từng điều kiện cụ thể. Nhìn chung, các nguyên tắc mà phát triển nông nghiệp bền vững cần đạt được là hạn chế tối đa những tác động tiêu cực tới môi trường tự nhiên, hạn chế sử dụng tài nguyên không tái tạo, lợi dụng chu trình tự nhiên vào sản xuất, tăng cường tính tự lực để giảm bớt sự phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài, phát triển vốn xã hội để giải quyết những vấn đề chung.

Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách nhằm tiến theo con đường phát triển bền vững nói chung và trong nông nghiệp nói riêng, mà “Chương trình nghị sự 21” là văn bản thể hiện một cách bao quát nhất về quan điểm, chiến lược, hành động cụ thể, tổ chức thể chế để đạt được sự phát triển bền vững trong các ngành, lĩnh vực. Chiến lược của Việt Nam nói chung là tác động vào tất cả các khía cạnh, bao gồm kinh tế, xã hội và môi trường được xây dựng ở cấp quốc gia, ngành và địa phương. Một số chiến lược quan trọng mà Việt Nam đang theo đuổi là phát triển “kinh tế xanh”, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên không tái tạo, phát triển sản xuất và tăng tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo, giảm khí phát thải nhà kính, hạn chế ngành kinh tế ảnh hưởng lớn đến môi trường, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu,... Các thể chế tổ chức điều phối, chỉ đạo hoạt động phát triển bền vững ở các cấp đã được hình thành và đang dần hoàn thiện, bao gồm cả khu vực nhà nước và xã hội dân sự. □



Tài liệu tham khảo

- ASI (2013), What is sustainable agriculture, truy cập ngày 29/8/2013, <<http://www.sarep.ucdavis.edu/sarep/about/de/>>.
- DFID (2004), Agricultural sustainability, the UK Department for International Development (DFID).
- Europa (2013), Approaches to sustainable agriculture, truy cập ngày 8/9/2013, <http://europa.eu/legislation_summaries/other/128101_en.htm>.
- European Union (2012), Sustainable agriculture for the future we want, European Commission.
- FAO (1997), Guidelines for the integration of sustainable agriculture and rural development into agricultural policies, truy cập ngày 29/8/2013, <<http://www.fao.org/docrep/w7541e/w7541e00.htm>>.
- FAO (2013), Climate smart agriculture: Managing Ecosystems for Sustainable Livelihoods, <http://www.fao.org/docrep/015/an177e/an177e00.pdf>.
- IFAD (2012), Sustainable smallholder agriculture: Feeding the world, protecting the planet, <http://www.ifad.org/events/gc/35/doc/proceeding.pdf>.
- Pezzey, John (1992), Sustainable Development Concepts- An economic analysis, World bank environment paper number 2.
- Pender, J., Place, F., Ehui, S. (1999), Strategies for sustainable agriculture development in the East African Highlands, International Food Policy Research Institute
- Pretty, J. (2008), Agricultural sustainability: concepts, principles and evidence, Phil. Trans. R. Soc. B, issue 363, tr. 447-465
- Worldbank (2010), Climate smart agriculture: a call to action, http://www.worldbank.org/content/dam/Worldbank/document/CSA_Brochure_web_WB.pdf

Sustainable agricultural development: theory and practice

Abstract:

Sustainable agricultural development is global issue. This paper focuses on the concept of sustainable agricultural development, the approaches to sustainable development, and briefly presents some strategies of sustainable agricultural development from some countries as well as the practices in Vietnam. There are many approaches to sustainable development, however all aim to change producers' behavior based on the principles of sustainable production. Vietnam is actively developing sustainable agriculture, many policies have been issued. However, there is a big gap between practice and policy. Vietnam lacks the value chain management based on sustainable production and policies for farmers to practice sustainable development. When unsustainable production practice still brings more benefit, even greater than sustainable one, the development of sustainable agriculture still faces difficulties.

Thông tin tác giả:

***Vũ Trọng Bình, Tiến sĩ**

- Nơi công tác: Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển nông nghiệp nông thôn

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Phát triển nông nghiệp nông thôn, kinh tế chính sách, ngành hàng, quản lý chất lượng, thương hiệu, dịch vụ công, thể chế nông thôn, cộng đồng...

- Một số tạp chí đã đăng tài công trình: Tạp chí Nông nghiệp nông thôn, Tạp chí Hội khoa học nông thôn thế giới, Tạp chí của United Nation ESCAP, Tạp chí Nông nghiệp của Pháp (Cahiers d'Agriculture), Tạp chí Food Policy của Mĩ, Tạp chí Vietnam's socio-economic development của Viện KHXH Việt Nam, Tạp chí Kinh tế nông thôn của Pháp, Tạp chí xã hội học...

- Email: trongbinh@fpt.vn và trongbinh.ipsard@gmail.com